

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh – Thương mại – Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm.
- Dịch vụ nhận uỷ thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cầm đồ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, karaoke (không kinh doanh tại trụ sở), cho thuê văn phòng đại diện, kinh doanh vàng, bạc, salon auto, sửa chữa xe, tráng rọi ảnh màu, máy văn phòng, photocopy, diệt trừ mối.
- Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, thuốc lá nội, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm, sách và văn hóa phẩm.
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, băng nhạc-đĩa nhạc, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa máy ảnh, chụp ảnh, quay video, cho thuê đồ cưới, cho thuê xe du lịch.
- Cho thuê, kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán xe ô tô.
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu.
- Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Kinh doanh lữ hành nội địa.
- Kinh doanh bất động sản. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn thực phẩm. Bán buôn đồ uống. Bán buôn đồ uống có cồn. Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Tổng số các công ty con: 02, trong đó số lượng công ty con được hợp nhất là 02 công ty.

5. Thông tin về các công ty con hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Vốn thực góp</i>		<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Quyền biểu quyết (%)</i>
	<i>Số tiền</i>	<i>%</i>		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	1.000.000.000	100,00%	80,00%	80,00%
Công ty CP Kinh Doanh Nhà Nam Hưng Thịnh	30.500.000.000	100,00%	99,02%	99,02%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2009

chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau :

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	2 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	2 – 5 năm

7. Tài sản thuê hoạt động:

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư :

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hoá được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ

bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 hoặc 5 năm.

12. Ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009 theo Nghị quyết Chính Phủ số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán

cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hoá, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Tiền mặt</i>	287.132.924	1.029.588.467
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	20.439.681.312	2.309.875.134
Cộng	20.726.814.236	3.339.463.601

2. Đầu tư ngắn hạn:

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Đầu tư ngắn hạn khác	3.335.195.655	3.970.703.926
Cộng:	3.335.195.655	3.970.703.926

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phải thu khách hàng	53.341.757.338	69.009.103.128
- Trả trước cho người bán	21.132.659.816	19.448.281.983
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	-	-
- Các khoản phải thu khác	1.586.208.446	3.002.521.814
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Cộng	76.060.625.600	91.459.906.925

4. Hàng tồn kho

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.785.561.091	22.706.333.929
- Hàng hóa	104.883.071.832	58.417.149.003
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.000.000.000)	-
	126.668.632.923	81.123.482.932

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	338.527.416	11.400.000
- Thuế GTGT được khấu trừ	557.736.714	2.984.439.411
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

- Tài sản ngắn hạn khác	8.750.114.151	4.638.319.200
+ Tạm ứng	35.778.000	112.251.000
+ Ký quỹ ngắn hạn	8.714.336.151	4.526.068.200
Cộng	9.646.378.281	7.634.158.611

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1.771.075.436	274.422.792	1.370.936.723	94.936.684	196.243.803	3.707.615.438
-Mua trong kỳ	15.000.000			29.283.140		44.283.140
-Đầu tư XD CB hoàn thành						
-Tăng khác						
-Chuyển sang BĐS đầu tư	(319.466.405)					(319.466.405)
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối quý	1.466.609.031	274.422.792	1.370.936.723	124.219.824	196.243.803	3.432.432.173
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	955.745.859	228.685.622	246.211.390	50.515.130	196.243.803	1.677.401.804
- Khấu hao trong kỳ	69.828.786	14.545.386	72.457.902	11.541.052	-	168.373.126
- Tăng khác						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(112.570.084)					(112.570.084)
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	(...)					
Số dư cuối quý	913.004.561	243.231.008	318.669.292	62.056.182	196.243.803	1.733.204.846
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	815.329.577	45.737.170	1.124.725.333	44.421.554	-	2.030.213.634
- Tại ngày cuối quý	553.604.470	31.191.784	1.052.267.431	62.163.642	-	1.699.227.327

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.536.949.778	(*)	10.578.220.809
Cộng	13.536.949.778		10.578.220.809

(*) Bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình sau:

- Chi phí xây dựng Cao ốc văn phòng 111 – 121 NGT Q10	13.534.821.268
- Chi phí xây dựng Trung tâm TM & Cao ốc văn phòng 277B CMT8	2.128.510

8. Bất động sản đầu tư

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	4.668.930.628	319.466.405		4.988.397.033
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà	4.668.930.628	319.466.405		4.988.397.033
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.208.445.984	272.904.334		1.481.350.318
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà	1.208.445.984	272.904.334		1.481.350.318
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	3.460.484.644			3.507.046.715
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà	3.460.484.644			3.507.046.715
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Đầu tư dài hạn khác	1.500.000.000	-
Cộng		-
– Đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh Viện Mắt Việt Hàn theo HĐ Góp Vốn Kinh Doanh số 114/TN-VH/HĐGV ngày 01/08/2008		

10. Tài sản dài hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí trả trước dài hạn	376.290.142 (*)	253.840.321
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.993.033	
Cộng	382.283.175	253.840.321

(*) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công cụ dụng cụ	333.967.231	196.579.912
- Chi phí sửa chữa	42.322.911	57.260.409
Cộng	376.290.142	253.840.321

11. Nợ ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay và nợ ngắn hạn	98.869.694.697 (*)	63.143.770.907
- Phải trả cho người bán	2.787.256.063	743.559.692
- Người mua trả tiền trước	17.513.626.419	24.680.391.546

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.746.228.580	1.767.661.237
- Phải trả người lao động	100.974.768	2.082.189.386
- Chi phí phải trả	-	162.152.500
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.349.702.154	11.372.835.487
Cộng	149.367.482.681	103.952.560.755

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn sau:

- Vay Ngân hàng Công Thương Chi Nhánh 10	14.861.103.577
- Vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	911.652.320
- Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Chi Nhánh TP HCM	11.903.166.868
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CN LTK	8.952.232.441
- Vay Ngân hàng TM CP Nam Việt	9.210.000.000
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Vĩnh Lộc	48.031.539.491
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.000.000.000
Cộng	98.869.694.697

12. Nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả dài hạn khác	2.969.507.914 (12.1)	2.864.802.337
- Vay dài hạn	2.965.000.000 (12.2)	
Cộng	5.934.507.914	2.864.802.337

(12.1) Phải trả dài hạn khác gồm:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của BV Mất Việt Hàn	1.500.000.000	1.500.000.000
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của CTY liên doanh TNHH KFC	539.868.600	539.868.600
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của CTY TNHH TM DV Thiên Nam Hoà	120.000.000	120.000.000
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của Cty TM vỏ xe Triều Hải	180.000.000	180.000.000
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của Cty TNHH MTV Tân Việt Mỹ	400.000.000	400.000.000
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của Cty TNHH TV & DV Kế Toán KTC	31.933.737	31.933.737
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của Cty CP Thế Giới Đồ Chơi	93.000.000	93.000.000
Công Ty Vương Đoàn	49.325.892	
Công Ty Quốc Chinh	24.648.624	

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

Công Ty Thuận Thảo	22.531.061	
Phan Thị	8.200.000	
Cộng	2.969.507.914	2.864.802.337

(12.2) *Vay dài hạn: Vay dài hạn Công Ty CP Đầu Tư KD Địa Ốc Hưng Thịnh*

- *Hợp đồng tín dụng dài hạn số 001/HĐTD-2009 ngày 16/01/2009*
- *Số tiền vay: 2.965.000.000 đồng;*
- + *Mục đích vay: Vay để làm vốn lưu động cho kinh doanh*
- + *Thời hạn vay: 18 tháng*

13. Vốn chủ sở hữu

13.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>Cộng</i>
	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	33.000.000.000	42.681.336.364				75.681.336.364
Số dư cuối năm trước,	33.000.000.000	42.681.336.364				75.681.336.364
Số dư đầu năm nay	33.000.000.000	42.681.336.364				75.681.336.364
- Tăng vốn lũy kế đến quý này						
- Lãi trong quý này						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong quý này						
- Lỗ trong quý này						
- Giảm khác						

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

Số dư cuối năm	33.000.000.000	42.681.336.364				75.681.336.364
-----------------------	-----------------------	-----------------------	--	--	--	-----------------------

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của nhà nước	6.825.000.000	6.825.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	26.175.000.000	26.175.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	42.681.336.364	42.681.336.364
Cộng :	75.681.336.364	75.681.336.364

Cổ tức:

Cổ tức đã chi trả trong quý như sau:

Cổ tức năm trước 1.650.000.000

Tạm ứng cổ tức năm nay -

Cộng 1.650.000.000

13.2. Cổ phiếu:

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.300.000	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	3.300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	3.300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :10.000 VND

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- -Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để chi thù lao cho Hội đồng quản trị, chi các công tác xã hội từ thiện... theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng	923.360.979	434.583.966
- Quỹ phúc lợi	180.731.837	(459.223.506)

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

Cộng	1.104.092.816	(24.639.540)
-------------	----------------------	---------------------

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm nay
1.1. Doanh thu bán hàng	104.788.707.040
- Tổng doanh thu :	104.788.707.040
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>102.196.674.130</i>
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>525.258.186</i>
+ <i>Doanh thu cho thuê bất động sản</i>	<i>2.066.774.724</i>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	37.005.980
- Doanh thu thuần	104.751.701.060
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	558.893.997
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	133.890.315
- Cổ tức, Lợi nhuận được chia	328.812.682
- Lãi bán hàng trả chậm	96.191.000
1.3. Thu nhập khác	1.420

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
- Giá vốn hàng bán	96.381.205.168
Cộng	96.381.205.168

3. Chi phí tài chính

	Năm nay
- Chi phí lãi vay	1.091.483.950
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.894
Cộng	1.091.715.844

4. Chi phí khác

	Năm nay
Chi phí khác	5.995
Cộng	5.995

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2009

	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.460.252
- Chi phí nhân công	1.842.025.781
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.802.376
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	822.701.358
- Chi phí khác bằng tiền	335.210.027
Cộng	3.151.199.794

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng :

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 - Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 - Thông tin về các bên liên quan:

4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”:

5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6 - Thông tin về hoạt động liên tục:

7 - Những thông tin khác:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc